

## PAR INDEX

Điện Biên						
STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
1	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>8,5</b>	<b>7</b>		<b>7,78</b>	
1.1	<b>Thực hiện kế hoạch CCHC</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	Năm 2020, 100% (45/45) nhiệm vụ trong Kế hoạch số 3855/KH-UBND ngày 27/12/2019; Kế hoạch số 1010/KH-UBND ngày 09/4/2020 đã được các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện. Thể hiện qua nội dung các kế hoạch CCHC năm 2020; Báo cáo CCHC quý, 6 tháng và Báo cáo năm: Các báo cáo CCHC: số 363/BC-BCĐCCHC ngày 13/3/2020; số 873/BC-BCĐCCHC ngày 12/6/2020; số 1383/BC-SNV ngày 11/9/2020; số 401/BC-UBND ngày 08/12/2020.	<b>1,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
1.2	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</b>	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Trong năm 2020, tỉnh Điện Biên đã thực hiện chế độ báo cáo CCHC đầy đủ số lượng, nội dung và thời gian theo quy định. Thể hiện qua nội dung các báo cáo CCHC định kỳ quý I, III, 6 tháng và báo cáo năm 2020: Báo cáo số 363/BC-BCĐCCHC ngày 13/3/2020; Báo cáo số 873/BC-BCĐCCHC ngày 12/6/2020; Báo cáo số 1383/BC-SNV ngày 11/9/2020; Báo cáo số 401/BC-UBND ngày 08/12/2020.	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

<b>1.3</b>	<b>Công tác Kiểm tra CCHC</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		<b>2</b>	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	<b>1</b>	<b>1</b>	Năm 2020, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Kế hoạch Kiểm tra công tác Cải cách hành chính và Phân cấp quản lý Nhà nước theo Nghị quyết số 21/NQ-CP tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định thành lập 03 Đoàn kiểm tra với các thành viên là công chức các CQCM cấp tỉnh có liên quan đến lĩnh vực công tác CCHC và Phân cấp QLNN. Đã tổ chức kiểm tra tại 10/19 CQCM cấp tỉnh và 5/10 UBND cấp huyện; tổng số CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện được kiểm tra trong năm là 15/29 (đạt 51,72%). Thể hiện tại Mục 1, phần III, trang 6, Kế hoạch số 1794/KH-UBND ngày 08/7/2020; Điểm b, Mục 1, 2, trang 2 và 3, Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 07/07/20120; Biên bản kiểm tra của 03 Đoàn kiểm tra tại 10 đơn vị sở, ngành và 05 UBND cấp huyện; Khổ thứ 2, trang 1 của Báo cáo số 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020.	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<b>1</b>	<b>1</b>	Qua báo cáo và kiểm tra thực tế cho thấy, các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã nghiêm túc, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC đảm bảo phù hợp với nội dung văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn và đạt nhiều kết quả trên tất cả các lĩnh vực. Một số	<b>1</b>	Cấp 2: Tạm thời đồng ý, sẽ rà soát, đánh giá lại.

PAR INDEX

			<p>tồn tại, hạn chế không đáng kể như: Một số UBND xã thuộc UBND huyện Điện Biên, Mường Nhé, Mường Chà khi tuyên truyền công tác CCHC lồng ghép trong các cuộc họp, hội nghị chưa ghi biên bản; việc ban hành Kế hoạch năm 2020 tại UBND xã Hừa Ngài muộn; tỷ lệ đạt chuẩn đội ngũ cán bộ tại một số xã chưa đạt 100% do một số cán bộ đoàn thể chưa qua đào tạo về chuyên môn. Những tồn tại, hạn chế trên các Đoàn kiểm tra đã hướng dẫn, nhắc nhở, trao đổi với các đơn vị để rút kinh nghiệm nên không có nội dung yêu cầu xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra. Tình trạng có hồ sơ giải quyết quá hạn tại Sở Giao thông vận tải, UBND thành phố Điện Biên Phủ và UBND huyện Điện Biên, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức đảm bảo theo quy định. (Nội dung thể hiện tại Trang 23, Mục 3, Phần III. CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT của Báo cáo kiểm tra số 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020 của Sở Nội vụ Văn bản số 436/UBND-KSTT ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh, khắc phục tình trạng quá hạn và xử lý phản ánh kiến nghị của người dân trong giải quyết TTHC. Công tác kiểm tra diễn ra trong thời gian ngắn do vậy nội dung kiểm tra chủ yếu thực hiện</p>		
--	--	--	---	--	--

PAR INDEX

				qua báo cáo, TLKC của các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp và việc kiểm tra thực tế chủ yếu tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Do vậy, công tác kiểm tra chủ yếu tập trung vào những tồn tại, hạn chế rõ ràng, dễ nhận thấy. Kết quả kiểm tra chủ yếu phát hiện các tồn tại, hạn chế cần khắc phục ngay tại chỗ hoặc rút kinh nghiệm cho lần sau, ví dụ: Kế hoạch CCHC hàng năm của 1 số xã chưa đề ra một số nhiệm vụ mà Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của huyện yêu cầu (rút kinh nghiệm); báo cáo CCHC định kỳ còn chậm so với quy định của huyện (rút kinh nghiệm)... Đề nghị Hội đồng thẩm định cho điểm đối với TCTP này		
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	Trong năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tuyên truyền CCHC bằng các hình thức: Tổ chức Hội nghị, tập huấn chuyên đề về CCHC; Đăng tải thông tin CCHC trên Wiebside của tỉnh; Tuyên truyền CCHC trên Đài phát thanh – truyền hình của tỉnh. Ngoài ra, còn thực hiện việc đa dạng hóa công tác tuyên truyền trong các chương trình văn nghệ tại Sân hành lễ tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ; trong các buổi chiếu bóng lưu động tại các xã vùng sâu, vùng cao. Tổ chức chương trình thông tin tổng hợp với nội dung "Chung tay đổi mới cải cách hành chính, lợi ích của toàn xã hội"; triển khai xây dựng, tổ chức luyện tập, biểu diễn	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				<p>lồng ghép các chương trình tuyên truyền tổng hợp phục vụ cơ sở năm 2020. Cử Đội tuyên truyền lưu động đi phục vụ tại cơ sở viết bài, tuyên truyền trực tiếp bằng xe tuyên truyền lưu động mặt đường: 20 buổi; tổ chức buổi tọa đàm đẩy mạnh tuyên truyền dịch vụ công mức độ 3; 4 tại tỉnh Điện Biên năm 2020; Xuất bản tờ rơi tuyên truyền hướng dẫn người dân cách sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Điện Biên với số lượng in và phát hành 7.200 bản. Thể hiện trong nội dung Kế hoạch, báo cáo tuyên truyền CCHC năm 2020 và giải trình chi tiết về nội dung, hình thức tuyên truyền CCHC năm 2020 trong báo cáo Kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh Điện Biên năm 2020.</p>		
<b>1.5</b>	<b>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<p>Năm 2020, có 04 sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện cải cách hành chính, có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh. Đã được áp dụng và mang lại hiệu quả thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh và được cấp có thẩm quyền công nhận: - Sáng kiến 1: "Tham mưu UBND tỉnh ban hành "Danh mục Thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện trong năm 2020"; - Sáng kiến 2: "Xây dựng tài liệu hướng dẫn</p>	<b>1,5</b>	Cấp 2: Ghi nhận giải pháp về rà soát, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

PAR INDEX

			<p>quy trình tổ chức, triển khai ứng dụng hệ thống liên thông văn bản điện tử phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên"; - Sáng kiến 3: "Tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên năm 2020"; - Sáng kiến 4: Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường, giải pháp góp phần nâng cao thực hiện cải cách hành chính năm 2020. Các đơn đề nghị công nhận sáng kiến; Biên bản họp Hội đồng sáng kiến. Các Quyết định công nhận sáng kiến; giải trình chi tiết về tính mới, phạm vi áp dụng, lợi ích kinh tế - xã hội có thể đạt được do áp dụng các sáng kiến tại báo cáo Kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh Điện Biên năm 2020 là các TLKC gửi kèm.</p> <p>Sáng kiến 1: Tham mưu UBND tỉnh ban hành “Danh mục Thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện trong năm 2020.</p> <p>- Tác giả sáng kiến: Trần Thị Nga, Đào Ngọc Minh, Trần Hải Đoàn - Sở Thông tin và Truyền thông. - Thời gian áp dụng: Từ ngày 15/5/2020</p> <p>- Phạm vi áp dụng của sáng kiến: Sáng kiến được áp dụng cho 19 Sở, ban, ngành tỉnh; 10 UBND cấp huyện và 130 UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Năm 2019, Công Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã được xây dựng theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông</p>		<p>Các nội dung khác chưa đủ điều kiện đề ghi nhận</p>
--	--	--	---	--	--

PAR INDEX

			<p>tin và vận hành chính thức từ tháng 9/2019 tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.dienbien.gov.vn">https://dichvucong.dienbien.gov.vn</a>. Hệ thống đã được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước các cấp (tỉnh, huyện, xã) và liên thông kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Đến cuối tháng 3/2020, Hệ thống đã cung cấp 100% thủ tục hành chính của tỉnh, 349 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (chiếm tỷ lệ 16,6% số thủ tục hành chính), trong đó có 02 dịch vụ công được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (chiếm tỷ lệ 0,57%). Tỷ lệ này so với chỉ tiêu của tỉnh còn quá thấp và các dịch vụ này mới chủ yếu chỉ được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 và Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ mà chưa có đề xuất riêng của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Năm 2020, Sau khi triển khai sáng kiến, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh. Quyết định được ban hành là căn cứ để các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về Chính phủ điện tử, thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ</p>		
--	--	--	--	--	--

PAR INDEX

			<p>thông trong cải cách hành chính, mang lại hiệu quả thiết thực đối với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Hiệu quả áp dụng sáng kiến: Đến thời điểm cuối tháng 9/2020, Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã cung cấp 1.640 thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, trong đó: + 566 thủ tục hành chính mức độ 3,4 (chiếm tỷ lệ <math>566/1640=34,5\%</math>; theo thống kê tại Công văn số 3485/BTTTT-THH ngày 10/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh Điện Biên xếp thứ 26/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tỷ lệ cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4); + 162 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Chiếm tỷ lệ <math>162/566=28,6\%</math>; kết quả thống kê thực tế trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tỉnh Điện Biên xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia). Sáng kiến 2: Xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình tổ chức, triển khai ứng dụng hệ thống liên thông văn bản điện tử phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên. - Tác giả sáng kiến: Trần Anh Tuấn, Vũ Trọng Nghĩa, Đỗ Quang Minh, Nguyễn Thị Vân Anh - Sở Thông tin và Truyền thông. - Thời gian áp dụng: Từ tháng 01/2020 đến nay - Phạm vi áp dụng: Tất cả các</p>		
--	--	--	---	--	--



PAR INDEX

				<p>cơ quan và đơn vị khai thác văn bản điện tử thông qua trục văn bản điện tử quốc gia và nội tỉnh - Tính mới, Hiệu quả áp dụng sáng kiến: Lần đầu tiên áp dụng trên địa bàn tỉnh. Sáng kiến đã xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn quy trình tổ chức và triển khai hệ thống kết nối trục liên thông văn bản điện tử quốc gia với trục liên thông văn bản nội tỉnh. Sau khi được triển khai hệ thống được nâng cấp, hoàn thiện đã đảm bảo khắc phục các nhược điểm còn tồn tại của hệ thống “Phần mềm ứng dụng Hồ sơ công việc và Quản lý văn bản - TD Office”. Giải pháp đã được thực hiện và đi vào áp dụng thực tiễn từ tháng 01/2020 mang lại hiệu quả cao giúp Chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên kết nối liên thông đảm bảo thông suốt, nhanh chóng gần 99.000 văn bản đi và xử lý hơn 265.000 văn bản cho các đơn vị hành chính khai thác hệ thống; kết nối gửi 564 văn bản, nhận 5867 văn bản với Bộ, ngành, trung ương, địa phương trên trục liên thông văn bản quốc gia. Hiện tại toàn tỉnh Điện Biên đã đảm bảo kết nối liên thông văn bản điện tử đến tất cả các đơn vị khai thác dịch vụ. - Lợi ích kinh tế - xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến: Đơn vị khai thác văn bản: Giải quyết các vấn đề về quản lý hệ thống văn bản điện tử tự động, nhanh chóng và chính xác từ đó việc ứng dụng, khai thác các tính năng của phần mềm đã mang lại hiệu quả trong việc quản lý, điều hành, theo</p>		
--	--	--	--	---	--	--

PAR INDEX

			<p>dõi văn bản điện tử tại các đơn vị khai thác thuận tiện, nhanh chóng; Khắc phục tình trạng chậm trễ khó khăn trong quá trình ban hành văn bản; Giúp các đơn vị khai thác hệ thống an tâm về tính toàn vẹn dữ liệu, tối ưu dữ liệu, đồng bộ dữ liệu, giảm tải rác thải điện tử. Công tác quản lý: Giúp công tác quản lý đồng bộ, phân cấp rõ ràng, quy trình khép kín, Văn bản điện tử được theo dõi chặt chẽ, hệ thống minh bạch, rõ ràng không để xảy ra tình trạng thất lạc, sai sót trong quá trình xử lý văn bản điện tử. Đáp ứng nhu cầu giải quyết văn bản điện tử cho 100% cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ bộ phận chuyên môn lập biểu thống kê, báo cáo theo đột xuất, định kỳ đảm bảo nhanh, gọn, chính xác. Sáng kiến 3: Tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên năm 2020 - Tác giả sáng kiến: Nguyễn Đức Hạnh - Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh. - Thời gian áp dụng: Từ năm 2017 đến năm 2020. - Phạm vi áp dụng: Trên địa bàn toàn tỉnh. SK đã được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND tỉnh. - Tính mới, Hiệu quả áp dụng sáng kiến: Lần đầu tiên áp dụng trên địa bàn tỉnh. Sáng kiến đã thực hiện đồng bộ các giải pháp trên các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cải tiến tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành,</p>		
--	--	--	---	--	--

PAR INDEX

			<p>các chủ thể tham gia phát triển nhân lực trên địa bàn tỉnh: Xây dựng quy chế tăng cường sự phối hợp giữa các ngành: Giáo dục và Đào tạo, Lao động -Thương binh và Xã hội, Nội vụ, UBND cấp huyện trong công tác quản lý Nhà nước về đào tạo và sử dụng nhân lực tỉnh. Kết quả về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ QLNN đến năm 2020 như sau: + 100% cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý; + Tỷ lệ cán bộ công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ hàng năm luôn đạt trên 80%; + Tỷ lệ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm ngày càng được nâng lên. Từ 84,4% năm 2016 lên 96% năm 2020. + Tỷ lệ viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đạt trên 60%; + Tỷ lệ viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm đạt trên 70%; + Tỷ lệ viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành đạt trên 80%. * Tài liệu kiểm chứng: Bổ sung thêm Báo cáo số 50/BC-TGV ngày 02/3/2020 về tình hình thực hiện Kết luận số 02-KL/TU ngày 20/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 23/3/2012</p>		
--	--	--	--	--	--

PAR INDEX

			<p>của BCH Đảng bộ tỉnh (Khóa XII) về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên đến năm 2020. Sáng kiến 4: Xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường, giải pháp góp phần nâng cao thực hiện cải cách hành chính năm 2020. - Tác giả sáng kiến: Nguyễn Hữu Cử - Sở Tài nguyên và Môi trường - Thời gian áp dụng: Năm 2020 - Phạm vi áp dụng: Các tổ chức, cá nhân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng lập hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, Cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên. - Tính mới, hiệu quả áp dụng sáng kiến: Lần đầu tiên áp dụng trên địa bàn tỉnh, sáng kiến đã xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực môi trường và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh Điện Biên V/v thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau: + Rà soát thủ tục hành chính “Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường”, đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 52 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Rà</p>		
--	--	--	---	--	--

PAR INDEX

			<p>soát thủ tục hành chính “Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản” đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 36 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Qua việc triển khai sáng kiến đã thấy được hiệu quả rõ rệt. Cụ thể: + Về phía cơ quan quản lý: Giảm Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Nâng cao chất lượng phục vụ tạo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; Thúc đẩy xây dựng nền hành chính dân chủ, minh bạch, chuyên nghiệp, vững mạnh, từng bước hiện đại. + Về phía các tổ chức, doanh nghiệp và người dân: Nâng cao sự thỏa mãn của tổ chức, cá nhân thông qua việc nâng cao hiệu quả thực hiện các thủ tục hành chính, đặc biệt thủ tục hành chính về thẩm định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; Giảm bớt thời gian thực hiện thủ tục hành chính của dự án, đẩy nhanh tiến độ chung triển khai dự án. * Tài liệu kiểm chứng: Bổ sung thêm các tài liệu sau: - Tờ trình số 252/TTr-STNMT ngày 03/9/2020 V/v Công bố Quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính</p>		
--	--	--	---	--	--

PAR INDEX

			<p>đối với lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh Điện Biên V/v thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên. Bổ sung 05 sáng kiến đã được triển khai năm 2020, thực hiện nhiệm vụ của ngành trên phạm vi toàn tỉnh thu được nhiều kết quả tốt, cụ thể: 5. Sáng kiến 5: Nâng cao hiệu quả tuyên truyền bằng công nghệ LiveStream Các TLKC bao gồm: Quyết định công nhận sáng kiến số 2652/QĐ-SVHTTDL ngày 22/12/2020 (Trang 2, Số TT 17); Báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến trong công tác năm 2020. 6. Sáng kiến 6: Tổ chức thực hiện chương trình tổng hợp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền Các TLKC bao gồm: Quyết định công nhận sáng kiến số 2652/QĐ-SVHTTDL ngày 22/12/2020 (Trang 2, Số TT 19); Báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến trong công tác năm 2020. 7. Sáng kiến 7: Thay đổi phương pháp phân bổ định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước đảm bảo hiệu quả hoạt động của các đơn vị trực thuộc sở nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các TLKC bao gồm: Quyết định công nhận sáng kiến số 579/QĐ-SNN ngày 23/12/2020 (Trang 2, Số TT 2); Báo cáo mô tả sáng kiến; Đơn yêu cầu</p>		
--	--	--	---	--	--

PAR INDEX

				<p>công nhận sáng kiến. 8. Sáng kiến 8: Giải pháp đẩy mạnh nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 trên Công Dịch vụ công của tỉnh Các TLKC bao gồm: Quyết định công nhận sáng kiến số 579/QĐ-SNN ngày 23/12/2020 (Trang 3, Số TT 8); Báo cáo mô tả sáng kiến; Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến. 9. Sáng kiến 9: Giải pháp nâng cao kết quả giải quyết TTHC trực tuyến và dịch vụ BCCI thuộc thẩm quyền giải quyết tại Sở Tư pháp trên địa bàn tỉnh. Các TLKC bao gồm: Quyết định công nhận sáng kiến số 1716/QĐ-STP ngày 28/12/2020 (Trang 3, Số TT 12); Biên bản họp xét sáng kiến năm 2020; Báo cáo thành tích cá nhân; Công văn số 397/STP-VP ngày 23/4/2020 V/v tăng cường nộp hồ sơ giải quyết TTHC trực tuyến và qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p>		
1.6	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	0		1,28	Cấp 2: Theo Báo cáo TCT của TTg số 10883 ngày 26/12/2020 (không tính các nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng trong hạn)
2	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC</b>	<b>10</b>	<b>5</b>		<b>9,1064</b>	

PAR INDEX

	<b>THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH</b>					
<b>2.1</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		<b>2</b>	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	<b>1</b>	<b>1</b>	<p>Trong năm 2020, Tỉnh Điện Biên đã thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành: - Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: Thể hiện tại nội dung Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 V/v ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 11/02/2020 về theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo số 402/BC-UBND ngày 09/12/2020 về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. - Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: Thể hiện tại nội dung Kế hoạch số 2141/KH-UBND ngày 27/7/2020 về kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 v/v thành lập Đoàn</p>	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá



PAR INDEX

				kiểm tra; Báo cáo số 1273/BC-ĐKTr ngày 16/10/2020 về kết quả kiểm tra. - Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: Thể hiện tại nội dung Kế hoạch số 408/KH-STP ngày 24/4/2020; Báo cáo số 504/BC-STP ngày 19/5/2020; 02 mẫu phiếu điều tra, khảo sát.		
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<b>1</b>	<b>1</b>	Năm 2020, tỉnh Điện Biên đã thực hiện hoạt động xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP với 04 nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh đối với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Được thể hiện qua các TLKC gửi kèm: Công văn số 1313/UBND-NC ngày 11/5/2020 v/v nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật; Báo cáo số 402/BC-UBND ngày 09/12/2020.	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>2.2</b>	<b>Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>		<b>1,5</b>	
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Năm 2020, tỉnh Điện Biên đã công bố kịp thời, đúng quy định 26 VBQPPL hết hiệu lực toàn bộ và 07 VBQPPL hết hiệu lực một phần. Thể hiện tại Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 21/01/2021.	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà	<b>1</b>	<b>1</b>	Năm 2020, tỉnh Điện Biên có 52 VB QPPL phải được xử lý sau rà soát. Đến nay đã xử lý xong 52/52 văn bản. Tỷ lệ giữa số VBQPPL đã	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

	soát			được xử lý theo thẩm quyền so với tổng số VBQPPL phải được xử lý là 100% . Thể hiện tại hạch đầu dòng thứ 2, mục 1.1.2 của Báo cáo số 370/BC-UBND ngày 27/11/2020, tại thời điểm báo cáo còn 01 văn bản đang xử lý, tính đến nay đã xử lý xong. Các kết quả xử lý: Danh mục văn bản kiến nghị xử lý và kết quả xử lý (Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 13/01/2020; Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 21/8 /2020; Thông báo số 30/TB-UBND ngày 12/6/2020; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; Công văn số 4823/UBND-KGVX ngày 31/12/2020).		giá
2.3	<b>Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	Năm 2020, tỉnh Điện Biên không có văn bản nào bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận trái pháp luật cần phải xử lý	<b>1,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
2.4	<b>Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành</b>	<b>5</b>	<b>0</b>		<b>4,1064</b>	
2.4.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	<b>1</b>	<b>0</b>		<b>0,8604</b>	

## PAR INDEX

2.4.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	<b>1</b>	<b>0</b>		<b>0,8625</b>	
2.4.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	<b>1,5</b>	<b>0</b>		<b>1,19104</b>	
2.4.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	<b>1,5</b>	<b>0</b>		<b>1,19246</b>	
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>13,5</b>	<b>13,4873</b>		<b>13,4873</b>	
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Trong năm 2020, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh không ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính (TTHC). Thể hiện tại Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh (Mục 1; 2 phần I trang 1).	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Tỷ lệ giữa số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua rà soát đạt 100% (18/18). Thể hiện tại Báo cáo	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh (Mục 4 phần I trang 2); Báo cáo số 288/BC-UBND ngày 03/09/2020 của UBND tỉnh.		
<b>3.2</b>	<b>Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ</b>	<b>3,5</b>	<b>3,5</b>		<b>3,5</b>	
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	Trong năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành 65 Quyết định công bố danh mục TTHC; 55 Quyết định công bố danh mục TTHC thực hiện/không thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đúng quy định. Thể hiện tại Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh (Mục 3 phần I trang 1, 2; đoạn 3 mục 7 phần I trang 4).	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	100% TTHC do Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại các Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã từ đầu năm đến nay đã được cập nhật, tích hợp và đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tạo đường link với Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: <a href="http://dienbien.gov.vn/thutuchanhchinh">http://dienbien.gov.vn/thutuchanhchinh</a> và Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				<p>chi: <a href="http://dichvucong.dienbien.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh">http://dichvucong.dienbien.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh</a> đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Thể hiện tại Báo cáo số 401/BC-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh (đoạn 2 tiêu mục 2.2 mục 2 phần II trang 8); Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh (đoạn 3 mục 1 phần II trang 7, 8).          100% TTHC do Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại các Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, tích hợp và đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định có sự chênh lệch về tổng số TTHC tại Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 là 1811 TTHC và trên cơ sở dữ liệu quốc gia là 1667 TTHC, chênh lệch 144 TTHC. Đây là số TTHC dùng chung của tất cả các đơn vị, địa phương trong tỉnh (mỗi đơn vị một bộ) thuộc các lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, bồi thường nhà nước. Đề nghị Hội đồng thẩm định cho điểm đối với TCTP này</p>		
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	Trong năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành 08 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh

PAR INDEX

				giải quyết thủ tục hành chính. 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được công bố quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC. Thể hiện tại Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh (đoạn 3 mục 7 phần I trang 4) cùng danh mục và 08 Quyết định kèm theo làm TLKC.		giá
3.2.4	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	100% CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã (169/169) công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC ở các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Thể hiện tại Báo cáo số 401/BC-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh (đoạn 4 tiểu mục 2.2 mục 2 phần II trang 8); Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh (đoạn 3 mục 1 phần II trang 7, 8).	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <a href="http://dienbien.gov.vn/thutuchanhchinh">http://dienbien.gov.vn/thutuchanhchinh</a> và kết nối với Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				Thể hiện tại Báo cáo số 401/BC-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh (đoạn 6 tiểu mục 2.2 mục 2 phần II trang 8).		
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.dienbien.gov.vn/thong-ke">https://dichvucong.dienbien.gov.vn/thong-ke</a> - 100% CQCM cấp tỉnh đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; - 100% UBND cấp huyện đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; - 100% UBND cấp xã đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>3.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		<b>3</b>	
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	<b>1</b>	<b>1</b>	100% thủ tục hành chính thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để đảm bảo công khai, minh bạch tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC (trừ các TTHC quy định tại điểm a, b Khoản 5 Điều 14 Nghị định 61/2018/NĐ-CP). Thể hiện tại Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh (đoạn 4 mục 7 phần I trang 4) và Danh mục Quyết định công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp.	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

3.3.2	<p>Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt</p>	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	<p>Thực hiện theo danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đạt 80,6% (29/36 TTHC): - Ngày 11/10/2019, UBND tỉnh đã có văn bản số 2967/UBND-KSTT V/v triển khai thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, đề nghị Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, BHXH tỉnh triển khai việc tiếp nhận, giải quyết các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã theo quy định; đồng thời cũng đề nghị các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh tổng hợp, gửi UBND tỉnh danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, tổ chức trong thực hiện các TTHC; Yêu cầu UBND cấp huyện, cấp xã bố trí chỗ làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan ngành dọc được cử ra làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, cấp xã. - Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện. Thể hiện qua nội dung các văn bản: Văn bản số 2369/BHXH-VP ngày 12/12/2020 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên; Văn bản số 2629/BC-BCH ngày 15/12/2020 của Bộ Chỉ</p>	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá



## PAR INDEX

				huy quân sự tỉnh Điện Biên; Văn bản số 2629/CAT-PV01 ngày 10/12/2020 của Công an tỉnh Điện Biên.		
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	Danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp gửi kèm. Tổng số 55 TTHC	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	Danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền gửi kèm. Tổng số 85 TTHC	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>3.4</b>	<b>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</b>	<b>5</b>	<b>4,9873</b>		<b>4,9873</b>	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	<b>1,5</b>	<b>1,499</b>	Số liệu được thể hiện tại biểu 6c ban hành kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020: - Tổng số hồ tiếp nhận: 53576 - Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 53539 Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 99,93%	<b>1,499</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	<b>1,5</b>	<b>1,4883</b>	Số liệu được thể hiện tại biểu 6c ban hành kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 22/12/2020: - Tổng số hồ tiếp nhận: 55703 - Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 55270 Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 99,22%	<b>1,4883</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải	<b>1</b>	<b>1</b>	Số liệu được thể hiện tại biểu 6c ban hành kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh

PAR INDEX

	quyết đúng hạn			22/12/2020: - Tổng số hồ tiếp nhận: 421838 - Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 421838 Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 100% (không có hồ sơ quá hạn).		giá
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Thể hiện qua nội dung Văn bản số 144/UBND-KSTT ngày 16/01/2020 (mục 2 trang 2); Văn bản số 4368/UBND-KSTT ngày 19/11/2020 (mục 4 trang 1).	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	Trong năm 2020, đã thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC đúng theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 giao UBND cấp huyện tự triển khai đánh giá việc giải quyết TTHC thuộc địa bàn quản lý (từ cấp huyện đến cấp xã), kết quả cụ thể: - 96,89% (125/129) UBND cấp xã đạt điểm từ tốt trở lên; - 100% (18/18) CQCM cấp tỉnh đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên; - 90% (9/10) UBND cấp huyện đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên. Thể hiện qua nội dung Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; Phụ lục	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				của Báo cáo số 441/BC-UBND ngày 30/12/2020 và 10 Báo cáo kết quả chấm điểm đánh giá việc giải quyết TTHC năm 2020 của UBND cấp huyện là các TLKC gửi kèm. Công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: <a href="http://www.dienbien.gov.vn/portal/Pages/Cham-Diem-Giai-Quyet-TTHC.aspx">http://www.dienbien.gov.vn/portal/Pages/Cham-Diem-Giai-Quyet-TTHC.aspx</a>		
<b>3.5</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	18 phản ánh kiến nghị thuộc các lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo; - Số tiếp nhận mới trong kỳ: 18 PAKN; số từ kỳ trước chuyển qua: 0 PAKN; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 02 PAKN; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 16 PAKN; - Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 18 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Điện Biên 16 PAKN và Hệ thống phản ánh kiến nghị trên cổng dịch vụ công quốc gia: 02 PAKN - Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0 PAKN.	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 18 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Điện Biên 16	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

	của tỉnh			PAKN và Hệ thống phản ánh kiến nghị trên cổng dịch vụ công quốc gia: 02 PAKN - Kip thời công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị trên hệ thống phản ánh kiến nghị tại địa chỉ: <a href="https://pakn.dichvucong.gov.vn/web/login.jsp;jsessionid=59669139BBF973FAF88C52DC9BC34B1B">https://pakn.dichvucong.gov.vn/web/login.jsp;jsessionid=59669139BBF973FAF88C52DC9BC34B1B</a> gồm: PAKN.20200827.0003; PAKN.20200624.0017 và trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: <a href="http://dienbien.gov.vn/portal/Pages/df9d7044817635bdS-E1-BB-95-20theo-20d-C3-B5i-20ti.aspx">http://dienbien.gov.vn/portal/Pages/df9d7044817635bdS-E1-BB-95-20theo-20d-C3-B5i-20ti.aspx</a>		giá
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>11,5</b>	<b>6</b>		<b>9,42168</b>	
<b>4.1</b>	<b>Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</b>	<b>3,5</b>	<b>2,5</b>		<b>2,5</b>	
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	<b>1</b>	<b>1</b>	Đã triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 5035/BNV-TCBC ngày 24/9/2020 và các văn bản khác có liên quan: Kế hoạch số 4057/KH-UBND ngày 23/10/2020 về việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo Nghị	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 4800/KH-UBND ngày 30/12/2020 về việc rà soát, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố theo Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ. Thể hiện tại mục 1, phần I, II của Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2021.		
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	<b>1,5</b>	<b>0,5</b>	UBND tỉnh Điện Biên quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp Sở hiện đã đảm bảo tính hợp lý và theo Quy định của của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở, huyện dự kiến sẽ sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo lộ trình quy định. Thể hiện tại mục 1, phần II, trang 7 của Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 18/02/2021.	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	<b>1</b>	<b>1</b>	Số liệu được thể hiện tại mục 2 phần II trang 4 của Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2021: Đến 31/12/2020, tỉnh đã thực hiện cắt giảm 87 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 (năm 2015: 669 đơn vị; năm 2020: 582 đơn vị) đạt tỷ lệ giảm đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 là 13,00%.	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

## PAR INDEX

<b>4.2</b>	<b>Thực hiện các quy định về quản lý biên chế</b>	<b>2,5</b>	<b>2,5</b>		<b>2,5</b>	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao. Số liệu thể hiện tại mục 3 phần II trang 5 của Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2021: - Tổng số biên chế hành chính được giao trong năm 2020: 2087 - Số biên chế có mặt đến 31/12/2020: 1944	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao. Số liệu thể hiện tại mục 4 phần II trang 6, 7 của Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2021: - Tổng số người làm việc được giao trong năm 2020: 21.069 - Số người làm việc có mặt tính đến ngày 31/12/2020: 20.074	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	Số liệu thể hiện tại mục 3 phần II trang 5 của Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2021: - Tổng số biên chế hành chính của tỉnh được giao trong năm 2015: 2284 - Tổng số biên chế hành chính có mặt của tỉnh tính đến ngày 31/12/2020: 1944 Số biên chế hành chính thực tế của tỉnh tính đến ngày 31/12/2020 giảm so với tổng số biên chế hành chính của tỉnh được giao năm 2015 là 340, đạt tỉ lệ 14,89%	<b>1,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	

## PAR INDEX

4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	<p>Năm 2020, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành. Thể hiện tại Khoản 3.2 mục 3 phần II, trang 9 của Báo cáo 401/BC-UBND ngày 08/12/2020; Kế hoạch 1974/KH-UBND ngày 08/07/2020; Quyết định 773/QĐ-UBND ngày 08/07/2020; Báo cáo 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020; Quyết định 213/QĐ-UBND ngày 15/3/2019; Quyết định 28/2019/QĐ-UBND ngày 04/9/2019; Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 16/9/2019; Quyết định 50/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019; Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 25/4/2019; Kế hoạch số 2682/KH-UBND ngày 07/9/2016 là các TLKC gửi kèm.</p>	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	<p>Việc kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã được thực hiện trong kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN theo Nghị quyết số 21/NQ-CP năm 2020. Thể hiện tại Khoản 3.2 mục 3 phần II, trang 9 của Báo cáo 401/BC-UBND ngày 08/12/2020, cùng với Kế hoạch 1974/KH-UBND ngày 08/07/2020; Quyết định 773/QĐ-UBND ngày 08/07/2020; Báo cáo 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020 và các Biên bản kiểm tra công tác CCHC năm 2020 và các Biên bản kiểm tra công tác CCHC</p>	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				<p>năm 2020 là các TLKC gửi kèm.          Năm 2020, việc kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã được triển khai thực hiện theo Kế hoạch 1974/KH-UBND ngày 08/07/2020 về kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN theo Nghị quyết số 21/NQ-CP năm 2020. Thể hiện tại Khoản 3.2 mục 3 phần II, trang 9 của Báo cáo 401/BC-UBND ngày 08/12/2020, cùng với Kế hoạch 1974/KH-UBND ngày 08/07/2020; Quyết định 773/QĐ-UBND ngày 08/07/2020; Báo cáo 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020 và các Biên bản kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN năm 2020 và các Biên bản kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN năm 2020 là các TLKC gửi kèm. Đề nghị Hội đồng thẩm định cho điểm đối với TCTP này</p>		
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	<p>Qua kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị không phát hiện có tồn tại, hạn chế nên không có nội dung yêu cầu, kiến nghị xử lý sau kiểm tra. Thể hiện tại Mục 9, phần II của Báo cáo số 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020; các Biên bản kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN theo Nghị quyết số 21/NQ-CP năm 2020 cùng với Kế hoạch 1974/KH-UBND ngày 08/07/2020; Quyết định 773/QĐ-UBND ngày 08/07/2020; Báo cáo 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020 và các Biên bản kiểm tra công tác</p>	<b>0,5</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá



PAR INDEX

				<p>CCHC năm 2020 và các Biên bản kiểm tra công tác CCHC năm 2020 là các TLKC gửi kèm. (Phần mềm chấm điểm yêu cầu nhập số vấn đề để tính tỷ lệ %, nên phía tỉnh Điện Biên nhập 1/1)</p> <p>Năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch 1974/KH-UBND ngày 08/07/2020 về kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN theo Nghị quyết số 21/NQ-CP năm 2020. Qua kiểm tra nội dung phân cấp tại các cơ quan, đơn vị không phát hiện có tồn tại, hạn chế nên không có nội dung yêu cầu, kiến nghị xử lý sau kiểm tra. Thể hiện tại Mục 9, phần II của Báo cáo số 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020; các Biên bản kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN theo Nghị quyết số 21/NQ-CP năm 2020 cùng với Kế hoạch 1974/KH-UBND ngày 08/07/2020; Quyết định 773/QĐ-UBND ngày 08/07/2020; Báo cáo 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020 và các Biên bản kiểm tra công tác CCHC năm 2020 và các Biên bản kiểm tra công tác CCHC và phân cấp QLNN năm 2020 là các TLKC gửi kèm. (Phần mềm chấm điểm yêu cầu nhập số vấn đề để tính tỷ lệ %, nên phía tỉnh Điện Biên nhập 1/1) Đề nghị Hội đồng thẩm định cho điểm đối với TCTP này</p>		
<b>4.4</b>	<b>Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính</b>	<b>4,5</b>	<b>0</b>		<b>3,42168</b>	

PAR INDEX

4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1,5	0		1,15912	
4.4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1,5	0		1,12099	
4.4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1,5	0		1,14157	
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>13,5</b>	<b>6,75</b>		<b>11,62445</b>	
<b>5.1</b>	<b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	<b>2,5</b>	<b>2,5</b>		<b>2,5</b>	
5.1.1	Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	Đã ban hành đầy đủ, kịp thời theo quy định. Thể hiện tại Quyết định số 2059/QĐ-BNV ngày 21/12/2015 của Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên năm 2019-2020; Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				<p>27/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu hạng nghề nghiệp tối thiểu việc chức các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Điện Biên năm 2019 - 2020. Trang 5, Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2021 về sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, việc xây dựng đề án vị trí việc làm thực hiện biên chế, số lượng người làm việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh Điện Biên năm 2020</p> <p>Tính đến ngày 31/12/2020, 100% các cơ quan, tổ chức hành chính (20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, 128 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện) thực hiện đúng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tối thiểu quy định tại Quyết định số 2059/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ; Các vị trí việc làm thực hiện đảm bảo đúng bản mô tả công việc và khung năng lực yêu cầu theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên</p>		
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	<p>Tính đến ngày 31/12/2020, 100% các cơ quan, tổ chức hành chính (20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, 128 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện) thực hiện đúng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tối thiểu quy định tại Quyết định số 2059/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ; Các vị trí việc</p>	1	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				làm thực hiện đảm bảo đúng bản mô tả công việc và khung năng lực yêu cầu theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên		
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	<p>Trong năm 2020, 100% (109/109) các đơn vị SNCL thuộc tỉnh và thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện đúng các quy định: Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục VTVL; Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng VTVL theo danh mục đã được phê duyệt; Bố trí viên chức đúng theo VTVL và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 v/v phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu hạng nghề nghiệp tối thiểu viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Điện Biên năm 2019-2020 đảm bảo các nội dung về:</p> <p>Danh mục VTVL với 2.093 vị trí việc làm (sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo 555 vị trí việc làm; sự nghiệp y tế 1.022 vị trí việc làm; sự nghiệp văn hóa, thể thao 261 vị trí việc làm; sự nghiệp khác 1.065 vị trí việc làm); Chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu tương ứng đối với từng VTVL. Các cơ quan, đơn vị hoàn thiện: Khung năng lực của từng VTVL gồm các nội dung cơ bản sau: Năng lực cốt lõi, Năng lực chuyên môn, Năng lực hành vi của</p>	1	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				từng VTVL để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đánh giá, sử dụng viên chức; Bản mô tả công việc gồm các nội dung cơ bản sau: Các nhiệm vụ, trách nhiệm liên quan đến công việc được giao; Yêu cầu về năng lực, kỹ năng để hoàn thành công việc đó; Xác định rõ hao phí thời gian lao động để thực hiện công việc theo VTVL đó. 100% các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Điện Biên (582 đơn vị sự nghiệp công lập) đã thực hiện đúng các quy định về VTVL, cơ cấu tối thiểu chức danh nghề nghiệp, bản mô tả công việc, khung năng lực của VTVL. Thể hiện tại phục lục kèm theo Báo cáo số 162/BC-UBND ngày 05/06/2020 và Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 27/12/2019; Mục 4, phần II, trang 6, 7 của Báo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2021; Có các bản mô tả công việc của sự nghiệp Y tế, Văn hóa thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo là Các TLKC gửi kèm.		
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0,5	0,5	Trong năm 2020, 100% các cơ quan, đơn vị của tỉnh đã được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, trong biên chế công chức được cơ quan có thẩm quyền giao, không có cơ quan, đơn vị tuyển vượt biên chế giao, công chức được tuyển dụng cơ bản đáp ứng được	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

## PAR INDEX

				<p>yêu cầu nhiệm vụ, trên cơ sở phân cấp các cơ quan, đơn vị chủ động, kịp thời bổ sung cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thể hiện tại Mục 2, phần I, trang 2, 3 và Mục 2, phần II trang 5, 6 của Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 18/02/2021; Các Thông báo, Quyết định liên quan đến công tác tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã là các TLKC gửi kèm.</p>		
5.2.2	<p>Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</p>	0,5	0,5	<p>Trong năm 2020, 100% các cơ quan, đơn vị của tỉnh đã được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, trong biên chế số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao, không có cơ quan, đơn vị tuyển vượt biên chế giao, viên chức được tuyển dụng cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, trên cơ sở phân cấp các cơ quan, đơn vị chủ động, kịp thời bổ sung cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thể hiện Mục 2, phần I, trang 2, 3 và Mục 2, phần II trang 7, 8, 9 của Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 18/02/2021; Các Quyết định liên quan đến công tác tuyển dụng tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh là các TLKC gửi kèm.</p>	0,5	<p>Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá</p>
5.3	<p>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh</p>	0,5	0,5		0,5	

PAR INDEX

5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	<p>Năm 2020 tỉnh Điện Biên không tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi nâng ngạch công chức năm 2019. Năm 2019 tỉnh Điện Biên thực hiện thi nâng ngạch công chức đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. 1.Thi nâng ngạch chuyên viên và tương đương năm 2018: Kết quả thể hiện tại Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 16/01/2019 và các văn bản tổ chức triển khai thực hiện: 752/TTr-UBND ngày 30/3/2018; 682/QĐ-UBND ngày 14/8/2018; 746/QĐ-UBND ngày 06/9/2018; 3247/CV-HĐTNCC ngày 06/11/2018; 1037/QĐ-UBND ngày 06/11/2018; 1710/TB-HĐTNCC ngày 07/11/2018; 48/QĐ-UBND ngày 16/01/2019; Văn bản 1542/BNV-CCVC ngày 13/4/2018 của Bộ Nội vụ. 2. Thi nâng ngạch chuyên viên chính năm 2019: Kết quả thể hiện tại các thông báo: số 383/TB-HĐTNN ngày 18/03/2020; số 697/TB-HĐTNN ngày 14/5/2020 và các văn bản: 3314/UBND-NC ngày 12/11/2019; 5057/BNV-CCVC ngày 18/11/2019; 163/QĐ-UBND ngày 24/02/2019; 1236QĐ-UBND ngày 03/12/2019; 1269/QĐ-UBND ngày 11/12/2019; 48/QĐ-UBND ngày 24/02/2020; 521/QĐ-UBND ngày 04/6/2020; 250/TB-HĐTNN ngày 27/02/2020.</p>	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
-------	--	-------------	-------------	--	-------------	-----------------------------------

PAR INDEX

5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	<p>Ngày 14/6/2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, theo đó có những thay đổi về chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với giáo viên theo từng cấp học; hiện tại Bộ Giáo dục và Đào tạo đang hoàn thiện các văn bản quy định về chuẩn chức danh nghề nghiệp để phù hợp với yêu cầu của Luật. Vì vậy năm 2020, chưa thực hiện việc thi hoặc xét thăng hạng CDNN đối với giáo viên THPT. Kết quả năm 2019, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành về thi, xét thăng hạng viên chức: Kế hoạch 887/KH-HĐXTHVC ngày 16/6/2020; Các Quyết định: số 275/QĐ-UBND ngày 01/9/2020; số 499/QĐ-HĐXTH ngày 01/6/2020; số 366/QĐ-UBND ngày 22/4/2020; số 367/QĐ-UBND ngày 22/4/2020; số 156/QĐ-UBND tỉnh ngày 20/02/2020; Văn bản số 411/BNV-CCVC ngày 21/01/2020 của Bộ Nội vụ là các TLKC gửi kèm.</p>	<b>0,25</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
5.4	<b>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính</b>	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	<p>Trong năm 2020, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý các cấp được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm bảo đảm chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, chú trọng nguồn nhân sự tại chỗ, trên</p>	<b>0,75</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá



PAR INDEX

				<p>cơ sở quy hoạch, đào tạo và nhận xét đánh giá cán bộ của từng cơ quan, đơn vị, đồng thời kết hợp với nguồn nhân sự nơi khác theo kế hoạch luân chuyển cán bộ hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp, cơ quan, đơn vị có nhu cầu cán bộ quản lý, lãnh đạo. Số liệu được thể hiện tại Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 18/02/2021 (mục 3, phần II trang 9): - 100% (40/40) số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định; - 100% (65/65) số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định; - 100% (10/10) số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định. Danh sách lãnh đạo được bổ nhiệm năm 2020 và các quyết định bổ nhiệm công chức lãnh đạo năm 2020 là các TLKC gửi kèm.</p>		
<b>5.5</b>	<b>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức</b>	<b>1,25</b>	<b>0,75</b>		<b>0,75</b>	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0,25	0,25	<p>UBND tỉnh đã thường xuyên quan tâm, lãnh đạo sát sao, chỉ đạo quyết liệt việc đánh giá, xếp loại cán bộ công chức viên chức trên cơ sở Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII của Đảng; Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá,</p>	0,25	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				<p>xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức được thực hiện đúng quy trình, thủ tục, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thể hiện qua nội dung các Văn bản: số 4377/UBND-NC ngày 19/11/2020; số 1824/SNV-CCVC ngày 02/12/2020 và các Báo cáo: số 365/BC-UBND ngày 08/02/2020; số 42/BC-UBND ngày 18/02/2021.</p>		
5.5.2	<p>Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức</p>	1	0,5	<p>Trong năm 2020, tỉnh Điện Biên không có lãnh đạo UBND tỉnh và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên. Thể hiện tại Mục 4, phần I, trang 4, 5 và Mục 4, phần II, trang 10, 11 của Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 18/02/2021.</p>	0,5	<p>Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá</p>
5.6	<p><b>Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b></p>	1	1	<p>Theo kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2020 của tỉnh, số CBCCVC đào tạo, bồi dưỡng trong năm là 25.800 lượt người. Số lượt CBCCVC đã thực hiện đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 là 28.394 lượt người, đạt 110,05%, vượt 10,05% so với kế hoạch đề ra. Thể hiện tại trang 2 của Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 29/01/2021 về kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020. Do Bộ tiêu chí chấm điểm quy định "Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch" nên khi nhập phần mềm tỉnh Điện Biên</p>	0,9	<p>Cấp 2: Vụ Đào tạo bồi dưỡng CBCCVC_thẩm định (13:39 - 07/04/2021) - Chưa có KQ thực hiện QĐ số 705/QĐ-TTG</p>

PAR INDEX

				<p>để mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020 đạt 100% (25800/25800).</p> <p>Bổ sung các TLKC: 1. Kế hoạch số 4787/KH-UBND ngày 29/12/2020 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021. 2. Kế hoạch số 411/KH-UBND ngày 15/02/2021 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025. 3. Báo cáo số 28/BC-HĐPH ngày 29/01/2021 của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật về Kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh năm 2020; phương hướng nhiệm vụ năm 2021 trong đó tại mục 1.3 trang 4 và mục 1.7 trang 7 của Báo cáo có thể hiện kết quả triển khai, thực hiện các Chương trình, Đề án về phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh trong năm 2020. Đề nghị Hội đồng thẩm định cho điểm đối với Tiêu chí này</p>		
<b>5.7</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>0,5</b>	<b>0,25</b>		<b>0,25</b>	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,25	0,25	<p>Khoản 4.2 mục 4 phần II Báo cáo số 401/BC-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên báo cáo công tác cải cách hành chính Nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể tại khổ thứ 2 trang 13 có nêu: "... Trong đó, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn từ trung cấp trở lên là 1375/1375, đạt 100%". Đối chiếu phụ lục hướng dẫn chấm điểm các tiêu</p>	0,25	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC cấp tỉnh kèm theo công văn số 383/BNV-CCHC ngày 28/01/2021 của Bộ Nội vụ thì tiêu chí thành phần: Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã đạt điểm tối đa là 0,25 điểm.		
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,25	0	Cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn từ Sơ cấp trở lên là 1130/1228, chiếm 92,01%".	0	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>5.8</b>	<b>Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>2</b>	<b>0</b>		<b>1,81543</b>	
5.8.1	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0		0,9119	
5.8.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0		0,90353	
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	0		3,15902	
5.9.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0		0,79253	
5.9.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công	1	0		0,8297	

PAR INDEX

	việc					
5.9.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1	0		0,81322	
5.9.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1	0		0,72357	
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>12</b>	<b>5,8755</b>		<b>9,12524</b>	
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>3</b>	<b>2,3755</b>		<b>2,3515</b>	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0,7904	Theo số liệu tại báo cáo số 139/BC-KBĐB ngày 18/02/2021 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên: - Số tiền NSNN đã giải ngân trong năm 2020: 2.030.189 - Tổng số tiền NSNN phải giải ngân theo Kế hoạch: 2.568.521 Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước là: 79,04% Điểm đánh giá của là: 0,7904 điểm	0,7664	Cấp 2: Dữ liệu theo Công văn số 2004/BTC-ĐT ngày 01/3/2021 gửi Thủ tướng Chính phủ
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	1	Đến thời điểm 31/12/2020, chưa thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước năm 2020 của các đơn vị nên chưa phát hiện sai phạm trong việc thực hiện các quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

## PAR INDEX

6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0,5851	Việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách trong năm 2019, 2020 tại tỉnh đạt 58,51% (Tổng số tiền phải nộp NSNN theo kiến nghị là: 32.825 triệu đồng; Số đã nộp NSNN theo kiến nghị là: 19.206 triệu đồng; Tỷ lệ thu nộp NSNN theo kiến nghị đạt 58,51%)	0,5851	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>6.2</b>	<b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		<b>2</b>	
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	0,5	0,5	UBND tỉnh đã ban hành, công khai đúng đầy đủ các văn bản thuộc thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công: - Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 ( <a href="http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=132839&amp;Keyword=44/2018/QĐ-UBND">http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=132839&amp;Keyword=44/2018/QĐ-UBND</a> ); - Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng tại Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 ( <a href="http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=140277&amp;Keyword=44/2019/QĐ-UBND">http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=140277&amp;Keyword=44/2019/QĐ-UBND</a> ); - Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 ( <a href="http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=140292">http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=140292</a> ); - Quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				tài sản cố định vô hình tại Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 ( <a href="http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpbq-toanvan.aspx?ItemID=132212&amp;Keyword=43/2018/QĐ-UBND">http://vbpl.vn/dienbien/Pages/vbpbq-toanvan.aspx?ItemID=132212&amp;Keyword=43/2018/QĐ-UBND</a> ).		
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	100% (816/816) các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh từ cấp huyện trở lên đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Thể hiện tại Mục 1,2 phần II, trang 1,2 của Báo cáo số 438/BC-UBND ngày 30/12/2020, cụ thể: - Đối với các cơ quan hành chính: 29/29 cơ quan hành chính cấp tỉnh; 10/10 đơn vị hành chính cấp huyện và 129/129 đơn vị hành chính cấp xã đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị phù và đúng theo quy định. - Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: 113/113 đơn vị khối tỉnh và 535/535 đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị phù và đúng theo quy định. 10 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công là các TLKC gửi kèm.	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	0,75	Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Tỉnh Điện Biên đã triển khai và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các đơn vị thuộc	0,75	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				<p>tỉnh và các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn; đồng thời quán triệt tăng cường công tác quản lý tài sản là nhà, đất; là nhà, trụ sở làm việc của các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh. Việc thực hiện sắp xếp, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã thực hiện đúng theo trình tự, quy trình, quy định hiện hành của pháp luật. - Tổng số cơ sở nhà, đất đã có phương án: 1709 - Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án: 1499 Tỷ lệ % số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý là: 87,71% (1499/1709). Số liệu thể hiện tại Biểu 02A kèm theo Văn bản số 3140/UBND-KT ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Điện.</p>		
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0,25	0,25	<p>Năm 2020, tỉnh Điện Biên đã tổ chức kiểm tra 10/19 sở, ban, ngành và 5/10 UBND cấp huyện về công tác CCHC, trong đó có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại nội dung Cải cách tài chính công. Thể hiện tại Mục 6, trang 12 và 13, của Báo cáo số 1666/BC-SNV ngày 03/11/2020 và tại nội dung Kế hoạch kiểm tra, Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra và biên bản kiểm tra tại 10 CQCM cấp tỉnh và 05 ĐVHC cấp huyện là các TLKC gửi kèm. Ngoài ra trong năm 2020, Sở Tài chính thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công qua phần mềm quản lý tài sản công.</p>	0,25	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá



PAR INDEX

6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3	1,5		1,5	
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0,5	0	Trong năm 2020, không có thêm đơn vị SNCL nào được giao tự chủ ở mức tự đảm bảo chi thường xuyên	0	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,5	0,5	UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành các quyết định: số 928/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 Về việc thành lập Trung tâm quản lý đất đai trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 Về việc thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã và Trung tâm Dịch vụ kinh tế tổng hợp trực thuộc UBND thành phố Điện Biên Phủ; Quyết số 986/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 Về việc thành lập Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố. Các đơn vị được thành lập đều là các đơn vị sự nghiệp công lập có thu và được phân loại tự chủ ở mức tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1	1	Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện không có sai phạm về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị	1	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				SNCL. Thể hiện tại mục 2, phần II của Báo cáo số 438/BC-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh.		
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1	0	Do tổng chi trực tiếp NSNN cho đơn vị SNCL năm 2020 cao hơn so với năm 2015	0	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>6.4</b>	<b>Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công</b>	<b>4</b>	<b>0</b>		3,27374	
6.4.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	0		0,82162	
6.4.2	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1	0		0,81961	
6.4.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	0		0,82928	
6.4.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1	0		0,80323	
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>15</b>	<b>10,1839</b>		<b>13,49922</b>	
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</b>	<b>7,25</b>	<b>6,8727</b>		<b>6,8727</b>	

PAR INDEX

7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0,5	0,5	Tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Thể hiện tại nội dung Quyết định Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 V/v phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên phiên bản 2.0 và tại Trang 4 mục 2.2.5 của Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông.	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	0,5	0,5	Đã thực hiện xây dựng, vận hành và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Được thể hiện ở Trang 8 mục 3.7 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông và Đường link LGSP của tỉnh: <a href="https://lgsp.dienbien.gov.vn/portal/Home/default.aspx">https://lgsp.dienbien.gov.vn/portal/Home/default.aspx</a>	0,5	Cấp 2: Đồng ý
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1	0,926	Số liệu được thể hiện ở Trang 11, 12 mục 5.2.1, 5.2.2, 5.2.3 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông: - Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật): 138029 văn bản. - Tổng số văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử: 117604 văn bản. - Tổng số văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy: 20425 văn bản. -> Điểm đánh giá:	0,926	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				$(117604/138029*1.0)+(20425/138029*0.5) = 0.926$ điểm		
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	0,5	0,5	Số liệu được thể hiện ở Trang 12 mục 5.2.5 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông: - Tỷ lệ các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 60% trở lên đạt 100% - Tỷ lệ các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản trên môi trường mạng đạt từ 30% trở lên đạt 100%	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	1	1	Số liệu được thể hiện ở Trang 12 mục 5.2.4 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông: - Tổng số sở, ngành và tương đương: 19; Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện: 10; Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 129 - Tỷ lệ sở, ngành và tương đương đã kết nối $19/19 * 100 = 100\%$ - Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối: $10/10 * 100 = 100\%$ - Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối: $129/129 * 100 = 100\%$	1	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
7.1.6	Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0,5	0,5	Hệ thống thông tin một cửa điện tử kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.dienbien.gov.vn/">https://dichvucong.dienbien.gov.vn/</a> có đầy đủ chức năng theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2018/VPCP của Văn phòng Chính	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				phủ, Thông tư số 22/2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Thể hiện ở Trang 14 mục 5.8 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông		
7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0,75	0,75	Hệ thống thông tin một cửa điện tử kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.dienbien.gov.vn/">https://dichvucong.dienbien.gov.vn/</a> có đầu mối tập trung ở cấp tỉnh đã kết nối liên thông tới 100% sở, ngành cấp tỉnh; 100% UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã. Thể hiện ở Trang 14 mục 5.8.4 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông.	0,75	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
7.1.8	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)	0,5	0,5	Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Điện Biên được xây dựng theo hình thức thuê dịch vụ CNTT của Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT). Hệ thống đã được Trung tâm Chính phủ điện tử - Cục Tin học hóa chứng nhận đáp ứng đầy đủ các chứng năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Đến thời điểm báo cáo Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.dienbien.gov.vn/">https://dichvucong.dienbien.gov.vn/</a> đã cung cấp 572 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo danh mục được phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh. Thể hiện ở Trang 14, 15 mục 5.9 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông.		
7.1.9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	1	0,6967	Số liệu được thể hiện ở Trang 15 mục 5.10.3 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông: - Tổng số DVC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh: 572; - Số DVC đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC Quốc gia: 225; - Số DVC đã hoàn thiện tái cấu trúc quy trình nhưng chưa tích hợp, cung cấp: 347 Điểm đánh giá: $(225/572*1.0)+(347/572*0.5) = 0.6967$	0,6967	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
7.1.1 0	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0,5	0,5	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Điện Biên tại địa chỉ <a href="https://baocao.dienbien.gov.vn/">https://baocao.dienbien.gov.vn/</a> được xây dựng theo hình thức thuê dịch vụ CNTT của Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT). Hệ thống đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Thể hiện ở Trang 13 mục 5.5 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông.	0,5	Cấp 2: Đã xây dựng và tích hợp với HTTT báo cáo Chính phủ
7.1.1 1	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	0,5	0,5	Số liệu được thể hiện ở Trang 13 mục 5.5 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Điện Biên tại địa chỉ <a href="https://baocao.dienbien.gov.vn/">https://baocao.dienbien.gov.vn/</a> đã kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ theo	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

				quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 7798/VPCP-KSTT ngày 18/9/2020. - Tổng số chỉ tiêu báo cáo định kỳ phải kết nối theo quy định: 8 - Số chỉ tiêu báo cáo định kỳ đã kết nối: 3 Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ là 37,5 % (3/8)		
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>1,5</b>	<b>1,3112</b>		<b>1,3112</b>	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ	0,5	0,3112	Số liệu được thể hiện ở Trang 15 mục 5.11 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông: - Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4: 572 TTHC - Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 178 TTHC --&gt; Tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3,4: $178/572 * 100 = 31\%$ ---&gt; Điểm đánh giá: $31.1\% * 0.5/50\% = 0.3112$	0,3112	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	1	1	Số liệu được thể hiện ở Trang 15,16 Mục 5.12 Văn bản số 126/STTTT-CNTT ngày 29/01/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông: - Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh (Bao gồm cả hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận và giải quyết thông qua phần mềm của các bộ triển	1	Cấp 2: - Đồng ý kết quả tự đánh giá theo BC số liệu năm 2020 trên DTI.GOV.VN:- Số hồ sơ TTHC được giải quyết

PAR INDEX

				khai): 188 TTHC - Số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC nêu trên: 11778 hồ sơ - Số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên: 40639 hồ sơ -> Tỷ lệ % giữa hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến số với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống): 28,98%		trực tuyến mức độ 3, 4: 11778- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và trực tiếp) của các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4: 40639=> Tỷ lệ 28,98% (1 điểm).
<b>7.3</b>	<b>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</b>	<b>1,25</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0,25	0	Danh mục TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích là 832 TTHC. TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI là 238 TTHC. Tỷ lệ % giữa TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI là 249/832, đạt 30% chưa đạt 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ theo yêu cầu nên TCTP này không được điểm (tại mục 2	0	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá



PAR INDEX

				trang 2 Báo cáo số 30/BC-STTTT ngày 7/1/2021).		
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0,5	0,5	<p>- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC là 49.756 hồ sơ; - Số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI là 10.415 hồ sơ. Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm 10.415/49756, đạt 20,93%</p> <p>Số liệu được thể hiện tại Báo cáo số 30/BC-STTTT ngày 7/01/2021 (mục 2 trang 2) và bảng tổng hợp kết quả hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI các cơ quan, đơn vị tỉnh Điện Biên năm 2020 kèm theo Văn bản số 366/STTTT-BCVT ngày 30/03/2021 của Sở TT&amp;TT tỉnh Điện Biên: - Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC là 49.756 hồ sơ; - Số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI là 10.415 hồ sơ. Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm 10.415/49756, đạt 20,93%. Bổ sung TLKC là văn bản số 366/STTTT-BCVT ngày 30/3/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông V/v giải trình bổ sung tiêu chí 7.3. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI. Đề nghị Hội đồng thẩm định cho điểm đối với TCTP này</p>	0,5	<p>Cấp 2: Đồng ý với giải trình và TLKC gửi lần 2. - Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC là 49.756 hồ sơ; - Số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI là 10.415 hồ sơ. Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm 10.415/49756, đạt 20,93%.</p>
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC	0,5	0,5	Số liệu được thể hiện tại Báo cáo số 30/BC-	0,5	Cấp 2: Đồng ý

PAR INDEX

	được trả qua dịch vụ BCCI			<p>STTTT ngày 7/01/2021 (mục 2 trang 2): - Tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC là 49.756 hồ sơ; Số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI là 10.170 hồ sơ. Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số đã trả kết quả giải quyết trong năm: 10.170/49756 đạt 20,44%.</p> <p>Số liệu được thể hiện tại Báo cáo số 30/BC-STTTT ngày 7/01/2021 (mục 2 trang 2) và bảng tổng hợp kết quả hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI các cơ quan, đơn vị tỉnh Điện Biên năm 2020 kèm theo Văn bản số 366/STTTT-BCVT ngày 30/03/2021 của Sở TT&amp;TT tỉnh Điện Biên: - Tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC là 49.756 hồ sơ; Số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI là 10.170 hồ sơ. Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số đã trả kết quả giải quyết trong năm: 10.170/49756 đạt 20,44%. Bổ sung TLKC là văn bản số 366/STTTT-BCVT ngày 30/3/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông V/v giải trình bổ sung tiêu chí 7.3. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI. Đề nghị Hội đồng thẩm định cho điểm đối với TCTP này</p>		kết quả tự đánh giá
7.4	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	

PAR INDEX

	<b>lượng (ISO 9001) theo quy định</b>					
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 đúng quy định	0,5	0,5	29/29 Sở ngành, UBND cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định đảm bảo tỷ lệ 100% số CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện. Thể hiện tại nội dung Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh Điện Biên Báo cáo tình hình xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2020 trong địa bàn tỉnh Điện Biên	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
7.4.2	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0,5	0,5	29/29 CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện (100%) thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định. Thể hiện tại nội dung Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh Điện Biên Báo cáo tình hình xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2020 trong địa bàn tỉnh Điện Biên	0,5	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>7.5</b>	<b>Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính</b>	<b>4</b>	<b>0</b>		<b>3,31532</b>	
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0		0,83332	
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin	1	0		0,82662	

## PAR INDEX

	được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh					
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0		0,85252	
7.5.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1	0		0,80286	
<b>8</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH</b>	<b>16</b>	<b>2</b>		<b>10,6449</b>	
<b>8.1</b>	<b>Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)</b>	<b>10</b>	<b>0</b>		<b>8,6449</b>	
8.1.1	Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1,5	0		1,3361	Cấp 2: Kết quả SIPAS 2020
8.1.2	Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	1,5	0		1,3248	Cấp 2: Kết quả SIPAS 2020
8.1.3	Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC	2,5	0		2,183	Cấp 2: Kết quả SIPAS 2020
8.1.4	Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2,5	0		2,301	Cấp 2: Kết quả SIPAS 2020
8.1.5	Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận,	2	0		1,5	Cấp 2: Kết quả

## PAR INDEX

	xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC					SIPAS 2020
<b>8.2</b>	<b>Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	Thu hút đầu tư năm 2020 giảm so với năm 2019	<b>0</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>8.3</b>	<b>Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh</b>	<b>2</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	1	Năm 2019 có 96 doanh nghiệp thành lập mới; năm 2020 có 134 doanh nghiệp thành lập mới	1	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1	0	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm 2020 (chiếm 43,7%) không tăng so với năm 2019 (chiếm 51,7%)	0	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>8.4</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	Tổng thu ngân sách năm 2020 của tỉnh tính đến ngày 25/12/2020 là 1.280 triệu đồng, đạt 105,6% dự toán trung ương giao. Thể hiện tại Mục 1 của Công văn số 2270/STC-QLNS ngày 25/12/2020 của Sở Tài chính	<b>1</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
<b>8.5</b>	<b>Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	Tỷ lệ GRDP của tỉnh năm 2020 thấp hơn năm 2019: - GRDP năm 2019 là 11340,87 tỷ đồng tăng 7,2 % so với năm 2018 - GRDP năm 2020 là 11765,28 tỷ đồng tăng 1,82 % so với năm 2019	<b>0</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá

PAR INDEX

<b>8.6</b>	<b>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	Tổng số chỉ tiêu được giao: 45 Số chỉ tiêu đạt và vượt: 32 Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao đạt 71,71% (32/45)	<b>0</b>	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>	<b>56,2967</b>		<b>56,9527</b>	